

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

15-TỈNH GIA LAI

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	15.01.01	Toán	19.500	Ba	12	THPT chuyên Chu Văn An
2	15.01.05	Toán	18.000	Ba	12	THPT chuyên Hùng Vương
3	15.01.03	Toán	18.500	Ba	11	THPT chuyên Hùng Vương
4	15.01.07	Toán	17.500	K.Khích	11	THPT chuyên Hùng Vương
5	15.01.06	Toán	14.500	K.Khích	12	THPT Chi Lăng
6	15.01.10	Toán	15.500	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An
7	15.01.12	Toán	19.500	Ba	12	THPT chuyên Hùng Vương
8	15.01.13	Toán	15.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
9	15.01.14	Toán	14.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
10	15.01.15	Toán	19.500	Ba	12	THPT chuyên Chu Văn An
11	15.01.16	Toán	19.500	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
12	15.01.18	Toán	20.500	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
13	15.01.19	Toán	20.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
14	15.02.01	Vật lí	11.000	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
15	15.02.02	Vật lí	16.500	Ba	12	THPT chuyên Chu Văn An
16	15.02.04	Vật lí	23.000	Nhì	12	THPT số 1 Phù Cát
17	15.02.03	Vật lí	11.750	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
18	15.02.05	Vật lí	13.500	K.Khích	12	THPT Chi Lăng
19	15.02.06	Vật lí	11.750	K.Khích	12	THPT chuyên Hùng Vương
20	15.02.07	Vật lí	21.500	Nhì	12	THPT chuyên Chu Văn An
21	15.02.08	Vật lí	25.500	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	15.02.09	Vật lí	14.500	K.Khích	11	THPT Chi Lăng
23	15.02.10	Vật lí	16.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
24	15.02.11	Vật lí	12.250	K.Khích	12	THPT chuyên Hùng Vương
25	15.02.13	Vật lí	23.000	Nhì	12	THPT Chi Lăng
26	15.02.14	Vật lí	16.500	Ba	11	THPT Chi Lăng
27	15.02.15	Vật lí	12.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
28	15.02.16	Vật lí	15.250	Ba	11	THPT Chi Lăng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

15-TỈNH GIA LAI

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	15.02.18	Vật lí	13.000	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An
30	15.02.17	Vật lí	20.750	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
31	15.02.19	Vật lí	22.750	Nhì	12	THPT Chi Lăng
32	15.02.20	Vật lí	13.000	K.Khích	11	THPT Chi Lăng
33	15.03.02	Hoá học	22.500	Nhì	11	THPT chuyên Chu Văn An
34	15.03.04	Hoá học	19.375	Ba	11	THPT chuyên Hùng Vương
35	15.03.03	Hoá học	16.125	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An
36	15.03.05	Hoá học	18.875	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
37	15.03.06	Hoá học	15.750	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
38	15.03.08	Hoá học	22.250	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
39	15.03.07	Hoá học	17.250	K.Khích	12	THPT Chi Lăng
40	15.03.10	Hoá học	23.625	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
41	15.03.09	Hoá học	17.000	K.Khích	12	THPT chuyên Hùng Vương
42	15.03.13	Hoá học	14.375	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
43	15.03.14	Hoá học	15.750	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
44	15.03.15	Hoá học	14.625	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
45	15.03.17	Hoá học	16.125	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
46	15.03.18	Hoá học	24.000	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
47	15.03.20	Hoá học	14.875	K.Khích	12	THPT Chi Lăng
48	15.04.01	Sinh học	19.000	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
49	15.04.02	Sinh học	21.250	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
50	15.04.05	Sinh học	22.750	Nhì	12	THPT chuyên Hùng Vương
51	15.04.06	Sinh học	21.250	Ba	12	THPT chuyên Hùng Vương
52	15.04.08	Sinh học	21.500	Ba	12	THPT Chi Lăng
53	15.04.09	Sinh học	18.500	K.Khích	11	THPT Chi Lăng
54	15.04.10	Sinh học	19.750	K.Khích	12	THPT Chi Lăng
55	15.04.12	Sinh học	20.500	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
56	15.04.11	Sinh học	18.250	K.Khích	12	THPT chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

15-TỈNH GIA LAI

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	15.04.14	Sinh học	20.000	K.Khích	11	THPT chuyên Hùng Vương
58	15.04.15	Sinh học	19.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
59	15.04.17	Sinh học	20.500	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
60	15.04.16	Sinh học	21.750	Ba	12	THPT chuyên Hùng Vương
61	15.04.19	Sinh học	19.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
62	15.04.20	Sinh học	21.750	Ba	12	THPT chuyên Hùng Vương
63	15.05.01	Tin học	16.930	Ba	12	THPT chuyên Hùng Vương
64	15.05.04	Tin học	16.170	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
65	15.05.05	Tin học	16.750	Ba	12	THPT Chi Lăng
66	15.05.06	Tin học	15.060	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
67	15.05.08	Tin học	14.620	K.Khích	11	THPT chuyên Chu Văn An
68	15.05.13	Tin học	16.508	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An
69	15.05.14	Tin học	20.250	Ba	12	THPT chuyên Chu Văn An
70	15.05.15	Tin học	13.990	K.Khích	11	THPT chuyên Hùng Vương
71	15.05.17	Tin học	12.970	K.Khích	11	THPT chuyên Chu Văn An
72	15.05.19	Tin học	12.398	K.Khích	11	THPT Chi Lăng
73	15.06.02	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
74	15.06.01	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT chuyên Hùng Vương
75	15.06.03	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Hùng Vương
76	15.06.04	Ngữ văn	13.750	Nhì	11	THPT chuyên Chu Văn An
77	15.06.05	Ngữ văn	13.250	Ba	11	THPT chuyên Hùng Vương
78	15.06.06	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT chuyên Hùng Vương
79	15.06.07	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT chuyên Chu Văn An
80	15.06.10	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
81	15.06.11	Ngữ văn	12.750	Ba	11	THPT An Lương
82	15.06.17	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
83	15.06.18	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An
84	15.07.01	Lịch sử	15.500	Ba	12	THPT chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

15-TỈNH GIA LAI

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
85	15.07.03	Lịch sử	15.000	K.Khích	11	THPT chuyên Hùng Vương
86	15.07.04	Lịch sử	14.750	K.Khích	11	THPT chuyên Hùng Vương
87	15.07.09	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT số 3 An Nhơn
88	15.07.10	Lịch sử	14.250	K.Khích	12	THPT số 2 Phù Mỹ
89	15.07.11	Lịch sử	14.750	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
90	15.07.12	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	THPT chuyên Hùng Vương
91	15.07.14	Lịch sử	16.000	Ba	12	THPT chuyên Chu Văn An
92	15.07.13	Lịch sử	15.500	Ba	11	THPT chuyên Hùng Vương
93	15.07.15	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT chuyên Hùng Vương
94	15.07.16	Lịch sử	16.000	Ba	12	THPT chuyên Hùng Vương
95	15.07.18	Lịch sử	16.250	Nhì	12	THPT chuyên Hùng Vương
96	15.08.05	Địa lí	13.500	K.Khích	12	THPT số 3 Tuy Phước
97	15.08.06	Địa lí	13.250	K.Khích	11	THPT chuyên Hùng Vương
98	15.08.07	Địa lí	13.500	K.Khích	11	THPT chuyên Hùng Vương
99	15.08.08	Địa lí	14.000	K.Khích	11	THPT chuyên Hùng Vương
100	15.08.13	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT chuyên Hùng Vương
101	15.08.14	Địa lí	14.000	K.Khích	12	THPT chuyên Hùng Vương
102	15.08.15	Địa lí	14.250	Ba	12	THPT chuyên Chu Văn An
103	15.08.16	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT số 2 An Nhơn
104	15.08.17	Địa lí	15.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
105	15.08.18	Địa lí	15.500	Nhì	12	THPT chuyên Hùng Vương

Danh sách này gồm 105 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

15-TỈNH GIA LAI

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	15.09.01	Tiếng Anh	3.70	4.30	5.10	1.30	14.400	Ba	THPT chuyên Hùng Vương
2	15.09.04	Tiếng Anh	3.60	4.30	5	1.50	14.400	Ba	THPT chuyên Hùng Vương
3	15.09.03	Tiếng Anh	3.30	3.40	4.70	1.50	12.900	K.Khích	THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	15.09.02	Tiếng Anh	3.50	3.50	5.40	1.50	13.900	Ba	THPT chuyên Hùng Vương
5	15.09.05	Tiếng Anh	3.40	3.50	4.90	1	12.800	K.Khích	THPT Chi Lăng
6	15.09.06	Tiếng Anh	3.60	3.60	4.50	1.70	13.400	K.Khích	THPT chuyên Hùng Vương
7	15.09.10	Tiếng Anh	4.10	4	6	1.50	15.600	Nhất	THPT chuyên Hùng Vương
8	15.09.11	Tiếng Anh	3.90	3.10	4.80	1.50	13.300	K.Khích	THPT chuyên Chu Văn An
9	15.09.12	Tiếng Anh	3.70	2.50	5	1.60	12.800	K.Khích	THPT chuyên Lê Quý Đôn
10	15.09.13	Tiếng Anh	3.60	3.20	4.90	1.40	13.100	K.Khích	THPT chuyên Hùng Vương
11	15.09.14	Tiếng Anh	3.60	2.90	4.60	1.60	12.700	K.Khích	THPT chuyên Lê Quý Đôn
12	15.09.15	Tiếng Anh	3.60	3.70	5	1.70	14.000	Ba	THPT Trung Vương
13	15.09.16	Tiếng Anh	3.90	3.60	5.20	1.60	14.300	Ba	THPT chuyên Hùng Vương
14	15.09.17	Tiếng Anh	3.60	3.20	4.60	1.60	13.000	K.Khích	THPT chuyên Hùng Vương
15	15.09.19	Tiếng Anh	3.80	2.80	5.40	1.50	13.500	K.Khích	THPT chuyên Lê Quý Đôn

Danh sách này gồm 15 thí sinh